

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
dịch vụ tưới, tiêu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiến.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ tưới, tiêu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hợp tác xã nông nghiệp HĐ (gọi tắt là HTXNN HĐ); địa chỉ trụ sở: Ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn M – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Văn M đại diện cho HTXNN HĐ trình bày:

Từ vụ Hè Thu năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022, HTXNN HĐ phục vụ tưới, tiêu cho ông Nguyễn Văn L với diện tích 16.900 m² tọa lạc tại Ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG. Giá dịch vụ được tính như sau: Vụ Đông Xuân 135.000 đồng/1.000m², vụ Hè Thu 135.000 đồng/1.000m², vụ Thu Đông 155.000

đồng/1.000m². Do đất ông L trồng vườn nên HTXNN HĐ có điều chỉnh lại giá dịch vụ là: Vụ Đông Xuân 80.000 đồng/1.000m², vụ Hè Thu 80.000 đồng/1.000m², vụ Thu Đông 155.000 đồng/1.000m². Nhưng từ đó đến nay ông L không trả tiền dịch vụ tưới, tiêu cho HTXNN HĐ, tổng cộng số tiền là 12.003.000 đồng. Khi HTXNN HĐ cử người đến thu tiền thì ông L nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả. Do đó, HTXNN HĐ yêu cầu Tòa án buộc ông L trả số tiền 12.003.000 đồng, do ông L có sử dụng dịch vụ tưới, tiêu từ vụ Hè Thu năm 2020 đến vụ Hè thu năm 2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông L vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2022 thể hiện ông L có quản lý, sử dụng diện tích đất bao gồm:

- 05 (Năm) công tầm cắt (1.296m²/công) tọa lạc tại tổ 14, Ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG, nằm trong vùng hoạt động của HTXNN HĐ. Hiện trạng đất trồng vườn (trồng nhiều loại cây như: mít, dừa, chuối, sầu riêng, cà na, chanh, xoài). Xung quanh đất vườn có hàng rào lưới B40 và đất bờ kín, xung quanh là đất trồng lúa của người khác. Trên đất vườn ở giữa có đào xen kẽ các mương nước, hiện trạng các mương đều chứa nước. Khu đất vườn được ông L cải tạo từ đất trồng lúa thành đất vườn kể từ vụ Thu Đông năm 2019, chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

- 06 (Sáu) công tầm cắt (1.296m²/công) tọa lạc tại tổ 14, Ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG, nằm trong vùng hoạt động của HTXNN HĐ. Hiện trạng đất trồng vườn (chủ yếu trồng mít, còn lại là ổi, cà na...). Xung quanh đất vườn không có hàng rào, có bờ đất rộng; xung quanh vườn là đất trồng lúa. Cạnh mặt tiền giáp kênh 13 là bờ kín, không có cống thông vào đất. Cạnh trên và cạnh dưới (theo hướng Châu Đốc - Long Xuyên và ngược lại) là bờ kín. Bờ đất hướng sau hậu có cống từ đất ruộng thông vào vườn. Khu đất vườn được ông L cải tạo từ đất trồng lúa thành đất vườn kể từ vụ Hè Thu năm 2020, chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

Tại phiên tòa,

Ông Lương Văn M, đại diện cho HTXNN HĐ trình bày:

Chỉ yêu cầu ông L trả tiền dịch vụ tưới, tiêu đối với diện tích đất vườn 14.256 m² (tương đương 11 công tầm cắt x 1.296 m²/công) số tiền tổng cộng là 10.118.000 đồng, giá dịch vụ được tính cụ thể như sau:

Vụ/năm	Diện tích (m ²)	Đơn giá (Đồng/1.000m ²)	Thành tiền (Đồng)
Hè Thu 2020	14,256	80,000	1,140,480
Thu Đông 2020	14,256	155,000	2,209,680
Đông Xuân 2021	14,256	80,000	1,140,480
Hè Thu 2021	14,256	80,000	1,140,480
Thu Đông 2021	14,256	155,000	2,209,680
Đông Xuân 2022	14,256	80,000	1,140,480

Hè Thu 2022	14,256	80,000	1,140,480
Tổng cộng			10,118,000

Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.885.000 đồng ($=12.003.000đ - 10.118.000đ$) trên diện tích 2.644 m² ($=16.900m^2 - 14.256m^2$).

Ngoài ra, ông Lương Văn M còn khai: HTXNN HĐ hoạt động phục vụ tưới, tiêu theo chủ trương của nhà nước, có đăng ký kinh doanh hợp tác xã và được cấp phép hoạt động đúng theo quy định. Địa bàn hoạt động từ kênh 11 đến kênh 13 thuộc ấp Long Châu và ấp Ba Xưa; phần đất vườn của ông L nằm trong địa bàn hoạt động của HTXNN HĐ. Hệ thống đê bao do nhà nước quản lý, trước đây đa số các cống, bông tự phát đã bị san lấp, không để người dân bơm tưới tự phát mà chỉ sử dụng máy bơm của hợp tác xã; chỉ còn để sót lại cống của một vài hộ dân nhưng không cho phép đặt máy bơm. Hằng năm, hợp tác xã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc gia cố đê bao.

Ông Nguyễn Văn L trình bày:

HTXNN HĐ khởi kiện đối với diện tích 16.900 m² là không đúng diện tích đất thực tế canh tác. Ông L xác định diện tích đất ông L thực tế đang quản lý, sử dụng chỉ 11 công tầm cắt (1.296m²/công), được chuyển từ đất trồng lúa thành đất trồng vườn, chưa đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất. Trước đây phần đất mặt tiền giáp kênh 13 của ông L có tự đặt ống bông và máy bơm nước, nhưng khi địa phương thực hiện chủ trương chung bao đê tăng vụ và cho phép hoạt động hợp tác xã thì ông L được vận động đã lấp bỏ bông để gia cố hệ thống đê bao, các hộ dân không được tự đặt máy bơm tưới, nên đến nay ông L không thể tự bơm tưới như trước. Giá dịch vụ tưới, tiêu đối với đất trồng lúa là vụ Đông Xuân 135.000 đồng/1.000m², vụ Hè Thu 135.000 đồng/1.000m², vụ Thu Đông 155.000 đồng/1.000m².

Tuy nhiên, ông L đã lên trồng vườn, miếng vườn 05 công tầm cắt được ông L cải tạo từ đất trồng lúa thành đất vườn kể từ vụ Thu Đông năm 2019, miếng vườn 06 công tầm cắt lên đất vườn kể từ vụ Hè Thu năm 2020 đến nay. Giữa HTXNN HĐ và ông L cũng không lập hợp đồng tưới tiêu và không có thông báo về giá. Bên trong vườn có đào hầm trữ nước và không bao giờ bị khô nước, nhu cầu sử dụng nước của đất vườn ít nên ông L không sử dụng nước của HTXNN HĐ. Do đó, ông L không đồng ý trả tiền dịch vụ tưới, tiêu cho HTXNN HĐ đối với vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu. Ông L chỉ đồng ý trả tiền dịch vụ cho HTXNN HĐ đối với vụ Thu Đông với mức giá 155.000 đồng/1.000m²/vụ, do đây là vụ 3 và HTXNN HĐ có phục vụ việc tiêu nước, chống ngập úng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của HTXNN HĐ do rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.885.000 đồng.

- Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của HTXNN HĐ, buộc ông L có trách nhiệm trả cho HTXNN HĐ số tiền dịch vụ tưới, tiêu là 10.118.000 đồng, đối với diện tích đất vườn 14.256 m² ($= 11 \text{ công tầm cắt} \times 1.296m^2/\text{công}$), theo đơn

giá vụ Đông Xuân: 80.000 đồng/1.000m², vụ Hè Thu: 80.000 đồng/1.000m² và vụ Thu Đông: 155.000 đồng/1.000m², tính từ vụ Hè Thu năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022.

- Kể từ ngày HTXNN HĐ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí và chi phí tố tụng, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng dịch vụ tưới, tiêu; bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn HTXNN HĐ tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.885.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của HTXNN HĐ đối với số tiền 1.885.000 đồng.

[2] Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: HTXNN HĐ và ông L thống nhất diện tích đất vườn là 11 công tầm cắt x 1.296 m²/công = 14.256m², nằm trong vùng phục vụ của HTXNN HĐ. Về giá dịch vụ tưới, tiêu áp dụng đối với đất trồng lúa là vụ Đông Xuân: 135.000 đồng/1.000m², vụ Hè Thu: 135.000 đồng/1.000m² và vụ Thu Đông (vụ 3): 155.000 đồng/1.000m². Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai thừa nhận của các bên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] HTXNN HĐ đăng ký thành lập và được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Phú cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong đó có ngành nghề kinh doanh là hoạt động dịch vụ tưới, tiêu (mã ngành 0161); được UBND xã Thạnh Mỹ Tây cho phép hoạt động phục vụ tưới và tiêu ứng trong vùng đê bao khép kín, đoạn từ kênh 11 đến kênh 13 thuộc ấp Long Châu và Ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG theo lịch thời vụ do cấp có thẩm quyền ấn định, để tránh dịch hại phá hủy mùa màng hoặc kịp thời vụ theo thời tiết được dự báo trước. Trước đây, HTXNN HĐ cùng chính quyền địa phương mời đại diện nông dân trong vùng để hiệp thương giá phục vụ và phương án sản xuất cho phù hợp từng khu vực trong vùng phục vụ của hợp tác xã. Lúc này, các mương, cống của người dân nằm trên tuyến đê bao được chính quyền địa phương vận động san lấp nhằm gia cố hệ thống đê bao; người dân không được bơm nước tự phát mà thực hiện theo chủ trương chung, trong đó có hoạt động tưới, tiêu của hợp tác xã. Tuy hợp tác xã và từng hộ dân không trực tiếp ký kết hợp đồng dịch vụ nhưng đại đa số các hộ dân đã thống nhất thực hiện chủ trương, kể cả người canh tác lúa và trồng vườn đều trả tiền dịch vụ

cho hợp tác xã theo mức giá đã thông qua. Hình thức hợp đồng dịch vụ không bắt buộc phải bằng văn bản nên người dân có thể tham gia hợp đồng dịch vụ tưới, tiêu bằng hành vi cụ thể, thông qua việc sử dụng dịch vụ tưới, tiêu trong vùng phục vụ của hợp tác xã, theo các điều 119, 513 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Phần đất vườn 11 công tầm cắt (tương đương $11 \times 1.296 \text{ m}^2/\text{công} = 14.256\text{m}^2$) của ông L được cải tạo từ đất trồng lúa sang trồng vườn nhưng đến nay chưa chuyển mục đích sử dụng đất. Qua khảo sát thì mảnh vườn 06 công tầm cắt của ông L có mương nước từ vườn thông ra đất trồng lúa; cả hai mảnh vườn (mảnh 06 công tầm cắt và mảnh 05 công tầm cắt) đều nằm trong vùng phục vụ của HTXNN HĐ; không có đặt máy bơm tưới tự phát, cũng không có nguồn nước tự nhiên lưu thông từ kênh 13 vào đất vườn. Quá trình hợp tác xã hoạt động có việc thoát nước chống úng nên ông L thống nhất trả tiền dịch vụ của vụ Thu Đông (vụ 3) với mức giá dịch vụ là 155.000đ/1.000m²/vụ. Đối với vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu thì ông L cho rằng không có sử dụng nước của hợp tác xã. Tuy nhiên, khu vực đất vườn của ông L nằm trong vùng phục vụ của HTXNN HĐ; việc trồng lúa hay trồng vườn đều phát sinh nhu cầu sử dụng nước tưới; mặc dù việc trồng vườn nhu cầu sử dụng nước ít hơn trồng lúa, nhưng vẫn phát sinh nhu cầu sử dụng nước. Do vị trí đất vườn của ông L xung quanh có tiếp giáp với đất trồng lúa nên nguồn nước tưới trong vườn của ông L có nguồn gốc một phần từ nguồn nước mà HTXNN HĐ bơm chung ở các hộ lân cận xung quanh khu vực vườn. Do đó, ông L vẫn phải có nghĩa vụ trả chi phí dịch vụ tưới tiêu cho HTXNN HĐ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, nhu cầu sử dụng nước của đất trồng vườn ít hơn của đất trồng lúa nên vào vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu, cần áp dụng giá dịch vụ đối với đất trồng vườn của ông L bằng một nửa so với giá dịch vụ của đất trồng lúa là phù hợp. Giá dịch vụ tổng cộng 9.230.000 đồng (làm tròn số), được tính cụ thể như sau:

Vụ/năm	Diện tích (m ²)	Đơn giá (Đồng/1.000m ²)	Thành tiền (Đồng)
Hè Thu 2020	14,256	67,500	962,280
Thu Đông 2020	14,256	155,000	2,209,680
Đông Xuân 2021	14,256	67,500	962,280
Hè Thu 2021	14,256	67,500	962,280
Thu Đông 2021	14,256	155,000	2,209,680
Đông Xuân 2022	14,256	67,500	962,280
Hè Thu 2022	14,256	67,500	962,280
Tổng cộng			9,230,760

Kể từ ngày HTXNN HĐ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của HTXNN HĐ đối với số tiền 888.000 đồng (= 10.118.000 đồng – 9.230.000 đồng), do có sự điều chỉnh đơn giá của vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu từ 80.000đ/1.000m²/vụ thành 67.500đ/1.000m²/vụ.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng, do HTXNN HĐ đã nộp tạm ứng. Yêu cầu của HTXNN HĐ được chấp nhận nên HTXNN HĐ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho HTXNN HĐ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng, theo Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: HTXNN HĐ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của mình không được chấp nhận; trả lại cho HTXNN HĐ một phần tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông L phải chịu án phí đối với yêu cầu của HTXNN HĐ được chấp nhận; ông L không có đơn xin miễn nộp án phí nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 357, 513, 515 và 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của HTXNN HĐ đối với số tiền 1.885.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của HTXNN HĐ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả tiền dịch vụ tưới, tiêu.

Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả cho HTXNN HĐ số tiền 9.230.000 đồng (Chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày HTXNN HĐ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của HTXNN HĐ đối với số tiền 888.000 đồng (Tám trăm tám mươi tám nghìn đồng), do có sự điều chỉnh đơn giá của vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu từ 80.000đ/1.000m²/vụ thành 67.500đ/1.000m²/vụ.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho HTXNN HĐ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

HTXNN HĐ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0004780 ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 461.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: HTXNN HĐ và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh